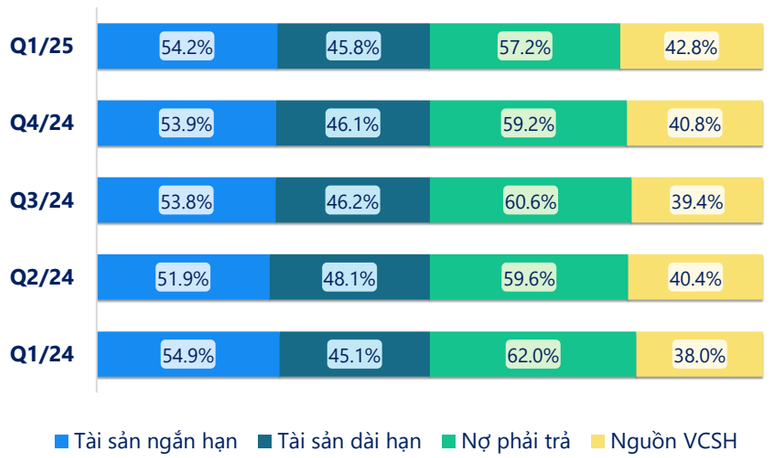
FireAnt

CTCP Tập đoàn Đạt Phương (HSX: DPG)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	51,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	62,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	41,774
SL cổ phiếu LH	62,999,554
KLGD BQ 20 phiên (CP)	780,745
% sở hữu nước ngoài	8.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,238
P/E	13.8
EPS	3,738

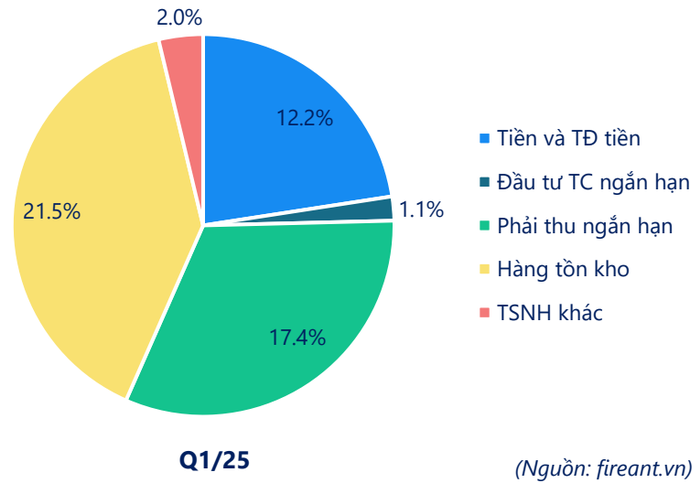
	YTD	1T	3T	6T
DPG	8.2%	6.3%	7.6%	-10.1%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



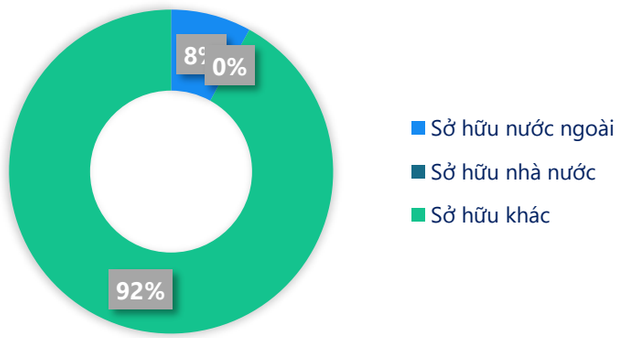
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



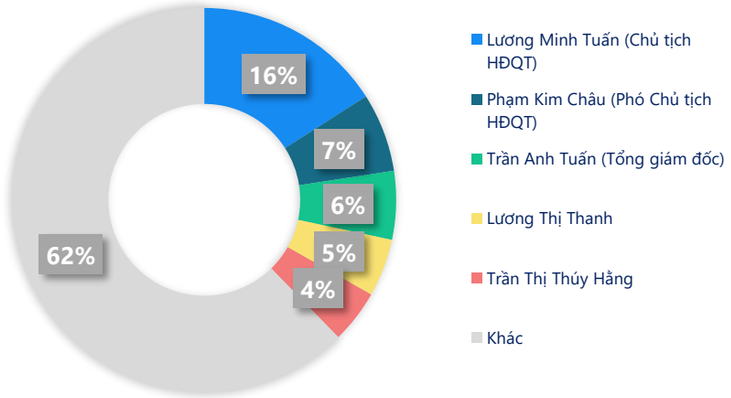
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



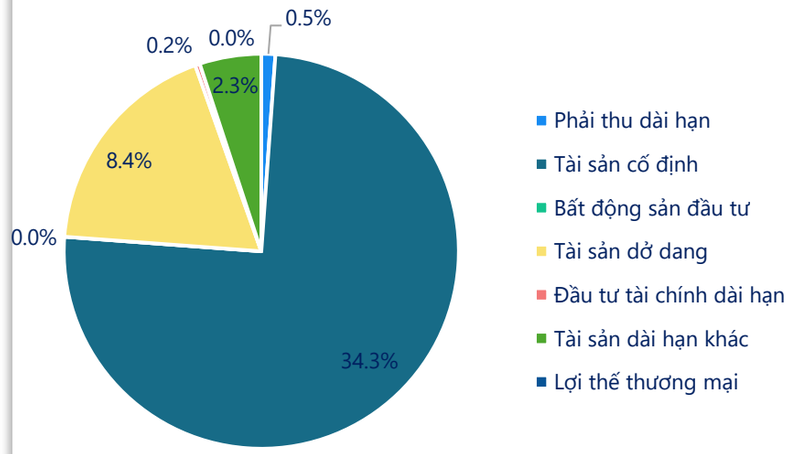
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

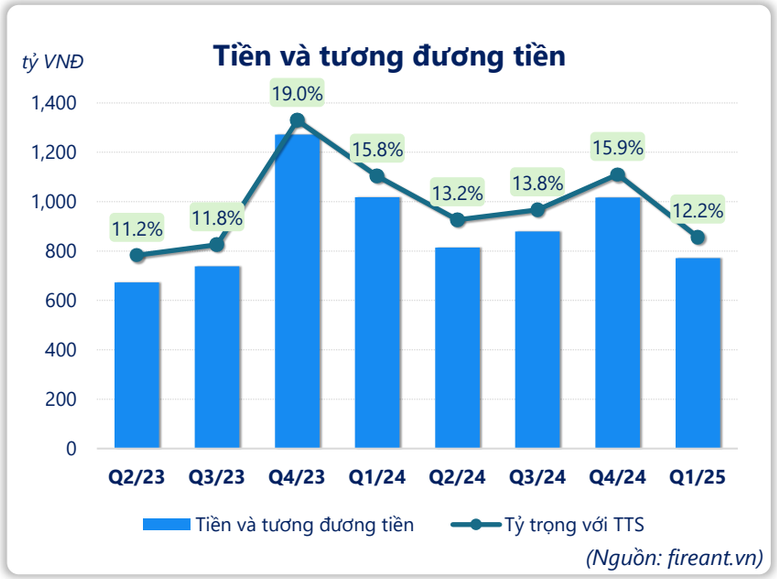
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



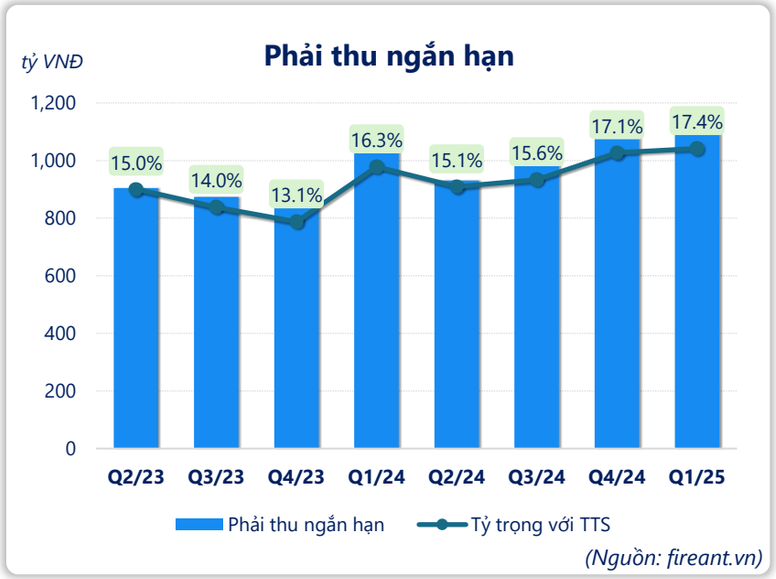
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

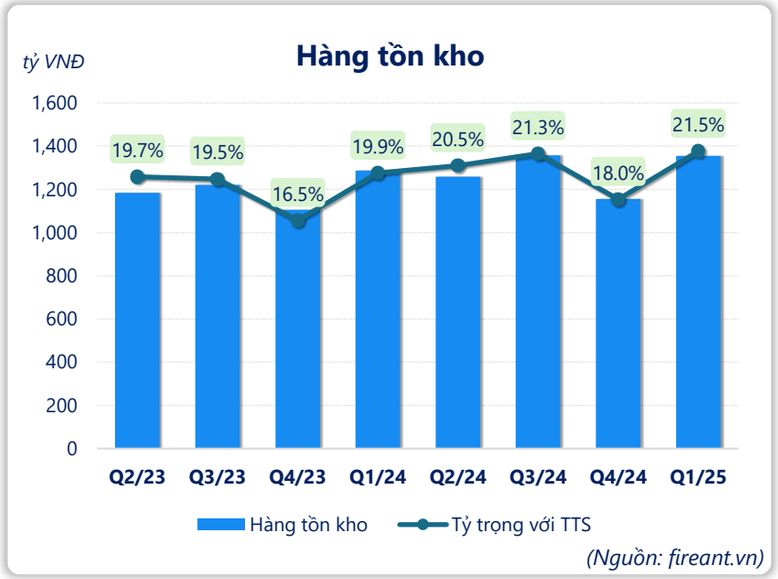
CTCP Tập đoàn Đạt Phương (HSX: DPG)



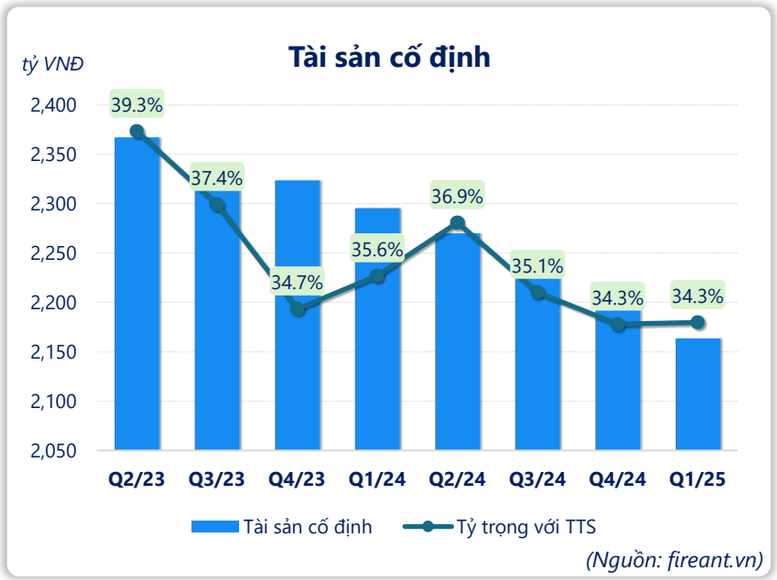
(Nguồn: fireant.vn)



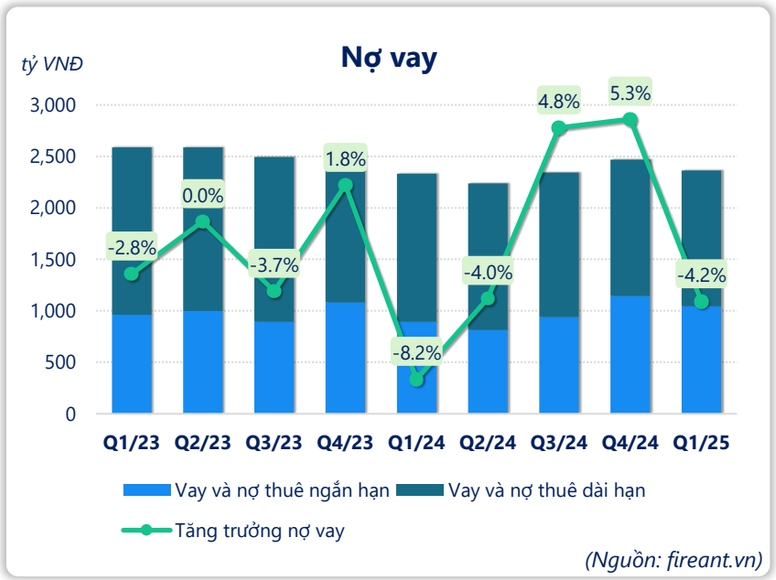
(Nguồn: fireant.vn)



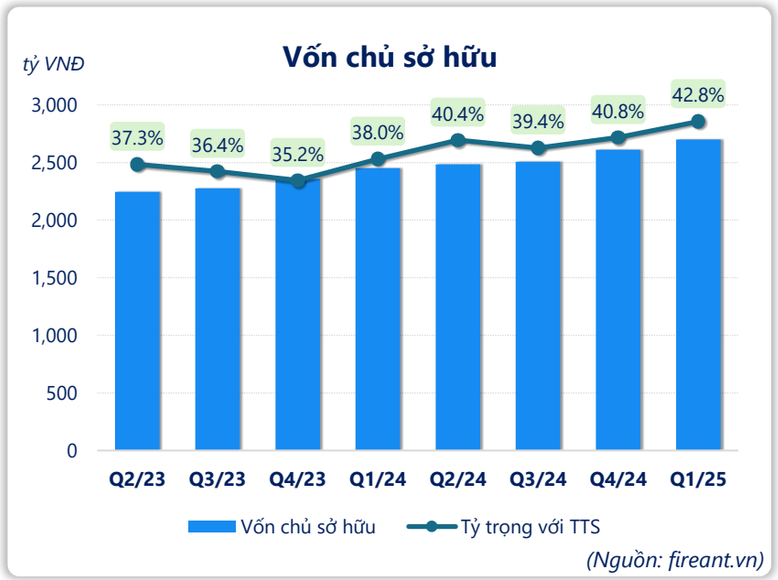
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

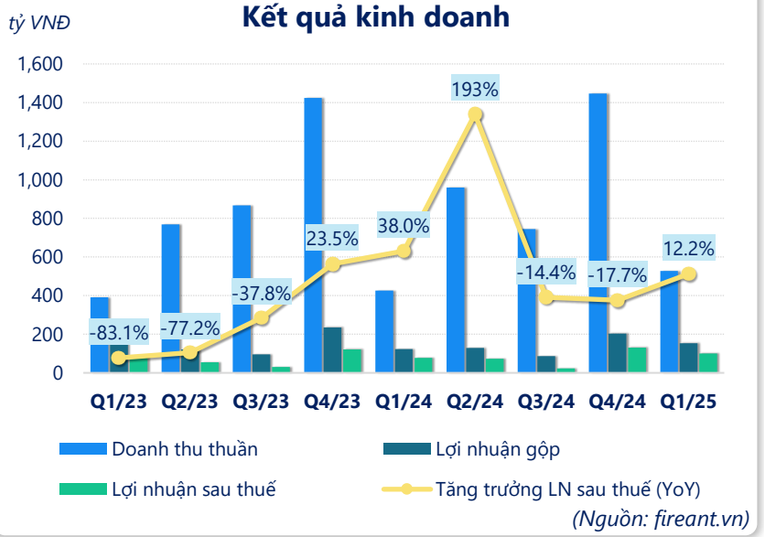


(Nguồn: fireant.vn)

FireAnt

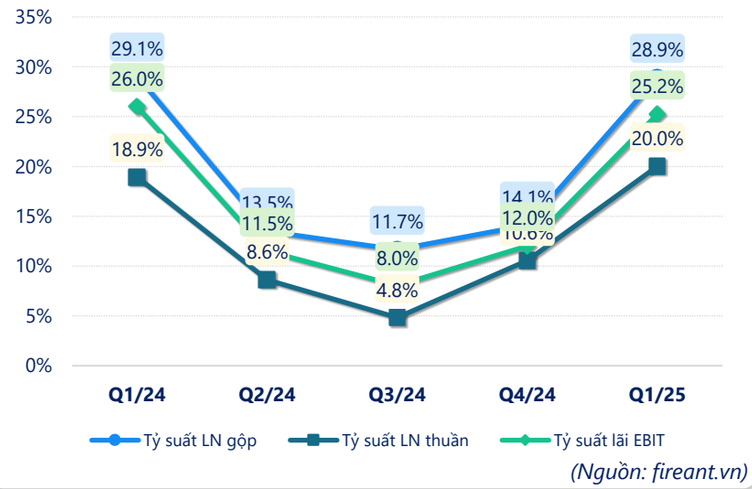
CTCP Tập đoàn Đạt Phương (HSX: DPG)

Kết quả kinh doanh



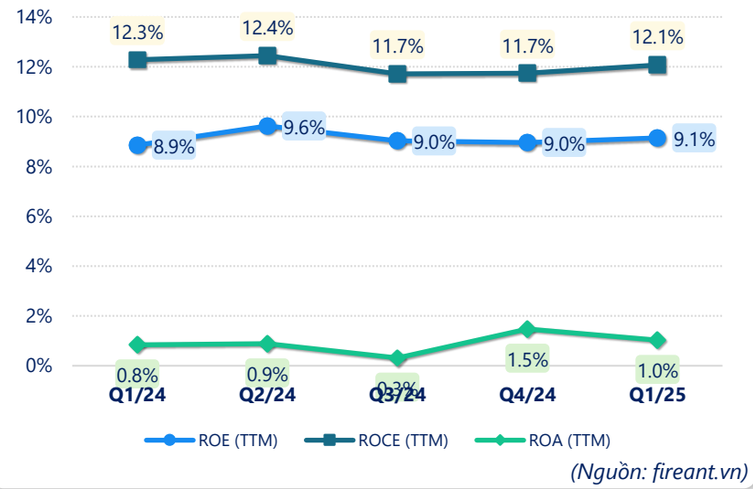
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



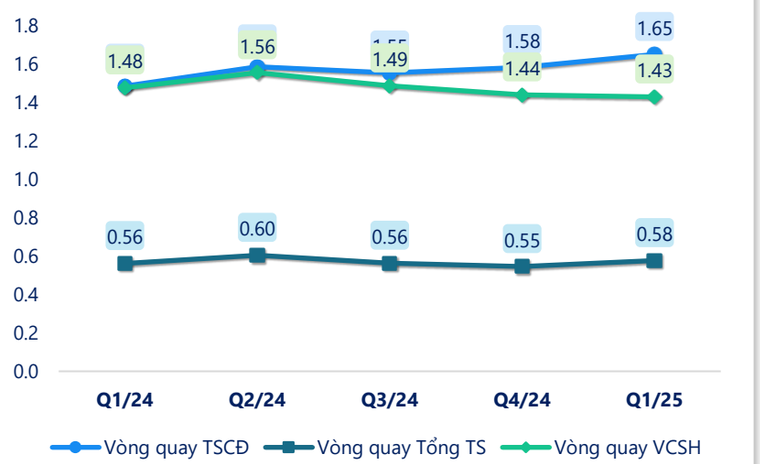
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



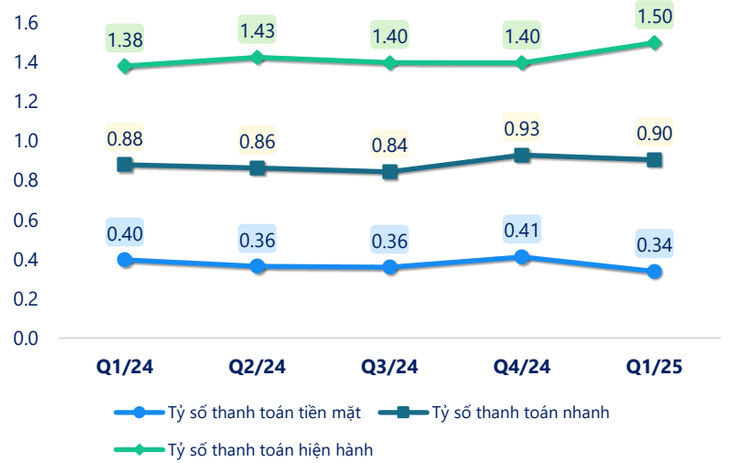
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



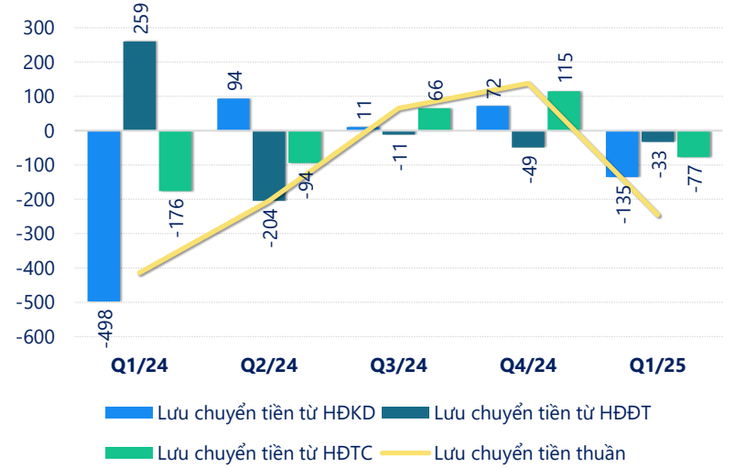
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tập đoàn Đạt Phương (HSX: DPG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,301**	**6,419**	**-1.8%**
Tài sản ngắn hạn	3,418	3,527	-3.1%
Tiền và tương đương tiền	771	1,017	-24.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	69.5	69.5	0.0%
Phải thu ngắn hạn	1,094	1,107	-1.1%
Hàng tồn kho	1,355	1,222	10.9%
Tài sản ngắn hạn khác	128	113	13.8%
Tài sản dài hạn	**2,883**	**2,891**	**-0.3%**
Phải thu dài hạn	32.9	32.0	2.8%
Tài sản cố định	2,163	2,200	-1.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	530	494	7.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	11.0	11.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**146**	**155**	**-5.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,602	3,806	-5.3%
Nợ ngắn hạn	**2,281**	**2,481**	**-8.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,043	1,144	-8.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	314	415	-24.4%
Nợ dài hạn	1,322	1,325	-0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,321	1,324	-0.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,699**	**2,613**	**3.3%**
Vốn chủ sở hữu	**2,699**	**2,613**	**3.3%**
Vốn điều lệ	630	630	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	426	960	745	1,446	528
Giá vốn hàng bán	302	831	658	1,242	375
Lợi nhuận gộp	124	130	86.8	204	153
Doanh thu HĐTC	6.96	3.12	3.83	4.06	3.24
Chi phí TC	29.5	27.0	29.4	27.7	28.1
Chi phí lãi vay	28.3	27.8	29.4	27.4	28.0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.32	0.76	0.29	0.35	0.79
Chi phí QLDN	20.3	22.2	24.9	27.3	21.4
LN thuần từ HĐKD	80.6	82.8	36.0	153	106
Lợi nhuận khác	1.78	-0.34	-5.47	-6.00	-0.39
LN trước thuế	82.4	82.4	30.6	147	105
Lợi nhuận sau thuế	77.8	72.3	22.2	130	100
LNST của CĐ cty mẹ	52.4	53.8	19.8	96.6	65.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-498	93.7	10.5	71.8	-135
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	259	-204	-11.1	-48.9	-32.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-176	-94.0	65.5	115	-77.5
Tiền đầu kỳ	1,432	1,018	814	879	1,017
Lưu chuyển tiền thuần	**-414**	**-204**	**64.9**	**138**	**-245**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,018	814	879	1,017	771

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic